

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/DS-ST
Ngày 15 - 5 - 2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực

Ông Nguyễn Hoài Phong

-Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Cẩm – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 441/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2020/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Tiêu Mỹ H , sinh năm 1979. (có mặt)

Cư trú tại: ấp Hòa Hải, xã T , huyện Đ , tỉnh C .

- Bị đơn:Bà Lê Hồng T , sinh năm 1977. (có mặt)

Ông Lâm Thanh D , sinh năm 1976. (vắng mặt)

Cùng cư trú tại: ấp Hòa Hải, xã T , huyện Đ , tỉnh C .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 11 năm 2019 trong qua trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn bà Tiêu Mỹ H trình bày:

Trước đây bà có tham gia hụi của bà T và ông D đến khi mãn hụi bà hốt hụi vào năm 2018 được số tiền 25.000.000 đồng, nhưng bà T và ông D không giao tiền mà thỏa thuận chuyển qua vay bà số tiền trên, lãi suất 6%/tháng và bà T có đóng lãi cho bà được 03 tháng số tiền là 1.800.000 đồng.

Cũng trong năm, bà T và ông D có vay của bà 30.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng và bà T đóng lãi được 03 tháng số tiền là 5.400.000 đồng thì ngưng.

Sau đó khoảng 02 tháng (khoảng tháng 10/2018), bà Đ (cùng địa chỉ) đưa cho bà T 10.000.000 đồng để gửi trả cho bà nhưng bà T lại không đưa mà giữ lại sử dụng. Sau đó bà T có thỏa thuận với bà cho bà T vay số tiền trên, lãi suất 3%/tháng và bà T đóng lãi được 02 tháng số tiền là 600.000 đồng thì ngưng.

Đến ngày 06/11/2018 thì bà T và ông D thiếu bà tổng số tiền vay là 65.000.000 đồng, nên bà yêu cầu ông D và bà T ghi biên nhận nợ cho bà. Vào ngày 01/8/2019 bà T viết biên nhận có nợ của bà số tiền là 65.000.000 đồng và từ đó đến nay bà T và ông D không trả cho bà khoản tiền nào.

Nay, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Hồng T và ông Lâm Thanh D trả cho bà số tiền vay 65.000.000 đồng, bà không đặt ra yêu cầu tính lãi suất.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn bà Lê Hồng T trình bày:

Bà thừa nhận có mượn của bà H số tiền 35.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng, mỗi tháng bà đóng lãi khoảng 3.000.000 đồng, việc vay mượn giữa bà với bà H không có làm biên nhận. Bà có đóng lãi cho bà H khoảng 02 năm, nhưng kể từ khi bà đình hui cho đến nay thì ngưng đóng lãi cho bà H.

Đối với biên nhận ngày 01/8/2019, bà xác định không có viết hay ký tên gì vào biên nhận nợ.

Nay, theo yêu cầu của bà H, bà đồng ý trả cho bà H 35.000.000 đồng.

Bà xác định số tiền nợ của bà H là khoản nợ riêng của bà, không phải nợ chung của bà và ông D. Bà không đồng ý việc bà H yêu cầu ông D cùng bà trả nợ.

Đối với bị đơn ông Lâm Thanh D : Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông D theo quy định của pháp luật, nhưng ông D không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của của bà H.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng quy định pháp luật về thủ tục tố tụng giải quyết vụ án dân sự. Qua xem xét lời trình bày của các đương sự và các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 466, và 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của bà Tiêu Mỹ H, buộc bà Lê Hồng T và ông Lâm Thanh D trả cho bà H 65.000.000 đồng tiền vay.

Án phí dân sự sơ thẩm, chi phí giám định bà T và ông D phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Lâm Thanh D là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng ông D vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông D.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Việc bà Tiêu Mỹ H khởi kiện yêu cầu bà Lê Hồng T và ông Lâm Thanh D trả số tiền vay còn thiếu. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Trong năm 2018 bà Tiêu Mỹ H có cho bà Lê Hồng T và ông Lâm Thanh D vay nhiều lần đến ngày 01/8/2019 bà T viết biên nhận có nợ của bà số tiền là 65.000.000 đồng. Nay, bà Hạnh yêu cầu Tòa án buộc bà T và ông D trả cho bà số tiền 65.000.000 đồng. Bà T xác định có thiếu bà H 35.000.000 đồng, ngoài ra không thiếu khoản tiền nào khác và bà không có viết hay ký tên gì vào biên nhận nợ ngày 01/8/2019.

[4] Xét việc bà T cho rằng có thiếu bà H 35.000.000 đồng, ngoài ra không thiếu khoản tiền nào khác và bà không có viết hay ký tên gì vào biên nhận nợ ngày 01/8/2019. Hội đồng xét xử thấy rằng, theo biên nhận ngày 01/8/2019 thể hiện nội dung “*Tôi tên: Tiêu Mỹ H có cho chị T vay số tiền 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng)... người nợ Lê Hồng T*” (bút lục 25). Ngoài ra, tại biên bản ghi lời khai của bà Nguyễn Thị K là người chơi hụi trong danh sách lấy tên Điệp xác định... vào khoảng năm 2018 bà có mượn của chị H 10.000.000 đồng, sau đó bà có gởi cho bà T số tiền 10.000.000 đồng để trả cho chị H ... Sau đó bà có liên hệ chị T và ba người giáp mặt nhau xác định số tiền bà trả cho chị H . Khi đó chị T và chị H thống nhất chị T nhập số tiền nhận của bà 10.000.000 đồng vào số tiền chị T thiếu chị H trước đây... (bút lục số 52). Hơn nữa, theo Kết luận giám định số: 16/GĐ-PC09 ngày 13/02/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Cà Mau thể hiện nội dung “...chữ viết thăm Lê Hồng T , dưới cụm từ người nợ trên tờ giấy tập học sinh có viết nội dung: Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam... Lê Hồng T bút lục số 25 (ký hiệu A) so với chữ viết t Lê Hồng T , dưới mục CÁC ĐƯƠNG SỰ THAM GIA HỢP; CÁC ĐƯƠNG SỰ THAM GIA PHIÊN HỢP; Người nộp tài liệu, chứng cứ trên BIÊN BẢN VỀ KIỂM TRA VIỆC GIAO NỘP, TIẾP CÂN, CÔNG KHAI CHỨNG CỨ NGÀY 20/01/2020; BIÊN BẢN HÒA GIẢI ngày 20/01/2020; BIÊN BẢN (V/v giao nhận tài liệu, chứng cứ ngày 20/01/2020 (ký hiệu M1; M2; M3) và chữ viết trên khổ giấy A4, ghi ngày 20/01/2020 (ký hiệu M4) là do cùng một người ký ra...” (bút lục số 42). Từ căn cứ trên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà H .

[5] Tại phiên công khai chứng cứ ngày 27/02/2020 bà Thẩm yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định lại theo quy định pháp luật. Ngày 27/02/2020 Tòa án tổng đạt Thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng số 45/TB-TA cho bà T , nhưng hết thời gian quy định bà T không nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng nên Tòa án không tiến giám định theo yêu cầu của bà T

[6] Đối với việc bà T xác định số tiền thiếu là khoản nợ riêng của bà, không phải nợ chung của bà và ông D . Bà không đồng ý việc bà H yêu cầu ông D liên đới trả nợ cùng bà. Xét thấy, tại phiên tòa bà T xác định bà và ông D đang tồn tại mối quan hệ vợ chồng và chưa được Tòa án giải quyết chấm dứt quan hệ hôn nhân. Hơn nữa, việc bà T vay tiền mục đích để phát triển kinh tế gia đình, cũng như thu nhập hợp pháp của vợ hoặc chồng trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử

căn cứ vào Điều 288 Bộ luật dân sự; Điều 27 và Điều 37 Luật hôn nhân gia đình buộc bà T và ông D phải có trách nhiệm liên đới trả tiền nợ cho bà H .

[7] Đối với ông D , Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập hợp lệ ông D nhiều lần để tham gia giải quyết vụ án, nhưng ông D không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của bà H , nên ông phải chịu thiệt hại về sự vắng mặt của mình.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tiêu Mỹ H . Buộc bà Lê Hồng T và ông Lâm Thanh D liên đới trả cho bà Tiêu Mỹ H số tiền còn thiếu 65.000.000 đồng.

[8] Đối với số tiền lãi bà T đã nộp cho bà H vượt theo quy định nhưng Thẩm không đặt ra yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[9] Về chi phí giám định: Theo khoản 2 Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “... *Người không chấp nhận yêu cầu trưng cầu giám định của đương sự khác trong vụ án phải nộp chi phí giám định, nếu kết quả giám định chứng minh yêu cầu của người yêu cầu giám định là có căn cứ...*”. Viển dẫn theo điều luật trên bà T và ông D phải chịu chi phí giám định số tiền 4.250.000 đồng. Vào ngày 20/01/2020 bà H đã nộp 5.000.000 đồng và đối chiếu thanh toán được nhận lại số tiền 750.000 đồng. Bà T và ông D có nghĩa vụ nộp số tiền 4.250.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi để hoàn trả cho bà H .

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên bà T và ông D phải chịu số tiền là 3.250.000 đồng. (65.000.000 đồng x 5%)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 288 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 161, Điều 162, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tiêu Mỹ H .

1. Buộc bà Lê Hồng T và ông Lâm Thanh D liên đới trả cho bà Tiêu Mỹ Hạnh số tiền 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng).

3. Về chi phí giám định: Bà T và ông D phải chịu số tiền 4.250.000 đồng. Bà H đã nộp và đối chiếu thanh toán xong, bà T và ông D có nghĩa vụ nộp số tiền

4.250.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi để hoàn trả cho bà H .

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà H 1.625.000 đồng (một triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 0010056 ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Bà Lê Hồng T và ông Lâm Thanh D phải chịu 3.250.000 đồng (ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) chưa nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án Đầm Dơi.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ngô Giang Nam

